

VKSND TỈNH QUẢNG NAM
BAN GIÁM KHẢO HỘI THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101/VKS-BGK
V/v công bố kết quả Vòng 1 Hội thi
“Kỹ năng tranh tụng của KSV tại
phiên tòa hình sự sơ thẩm ngành
KSND tỉnh Quảng Nam năm 2023”

Quảng Nam, ngày 10 tháng 9 năm 2023

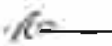
Kính gửi:

- Viện trưởng VKSND các huyện, thị, thành phố;
- Thủ trưởng các Phòng trực thuộc VKSND tỉnh Quảng Nam.

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-VKS ngày 02/6/2023 của Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Nam về tổ chức Hội thi “Kỹ năng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngành KSND tỉnh Quảng Nam năm 2023” (gọi tắt là Hội thi); Quyết định số 53/QĐ-VKS ngày 18/7/2023 của Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập Ban Giám khảo, Tổ Thư ký Hội thi; căn cứ vào kết quả tổng hợp điểm chấm của các thành viên, sau khi báo cáo và được sự thống nhất của Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Nam, nay Ban Giám khảo Hội thi công bố kết quả thi Vòng 1 (Thi viết Luận tội) của Hội thi (có Bảng tổng hợp kết quả điểm kèm theo).

Đề nghị các đơn vị tham gia Hội thi có khiếu nại hoặc thắc mắc về kết quả thi Vòng 1 thì gửi văn bản về Trưởng Ban Giám khảo Hội thi **trước 08 giờ ngày 13/9/2023** để xem xét, giải quyết; quá thời hạn trên nếu không có thắc mắc của các đơn vị, Ban Giám khảo sẽ công nhận chính thức kết quả trên, làm căn cứ tổ chức thi Vòng 2 theo quy định.

Vậy, Ban Giám khảo Hội thi thông báo để các đơn vị được biết./.

Nơi nhận: 

- Như trên (để thực hiện);
- Đ/c Viện trưởng VKS tỉnh (để báo cáo);
- BTC Hội thi (để báo cáo);
- Tổ Thư ký (để p/h thực hiện);
- VPTH VKS tỉnh (để p/h thực hiện);
- Lưu: VT.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN GIÁM KHẢO



Nguyễn Ngọc Tĩnh



Kết quả Vòng 1

Hội thi "Kỹ năng tranh tụng của KSV tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngành KSND tỉnh Quảng Nam năm 2023"

(Ban hành kèm theo Công văn số 101/VKS-BGK ngày 10/9/2023 của Ban Giám khảo Hội thi)

Số thứ tự	Đội thi	Điểm trung bình	Ghi chú
1	Phòng 1	87.2	
2	Phòng 2	87.6	
3	Phòng 3	87.4	
4	Phòng 7	84.1	
5	Tam Kỳ	89.5	
6	Điện Bàn	86.6	
7	Núi Thành	81.1	
8	Đại Lộc	81	
9	Phước Sơn	79.2	
10	Nam Giang	78.8	
11	Đông Giang	85.1	
12	Tây Giang	77.9	
13	Hội An	83.8	
14	Duy Xuyên	85	
15	Quế Sơn	83.1	
16	Nông Sơn	77	
17	Hiệp Đức	80.4	
18	Phú Ninh	85	
19	Thăng Bình	85.5	
20	Tiên Phước	79	
21	Bắc Trà My	85.7	
22	Nam Trà My	82.6	